

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 187/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào  
dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 239/TTr-STC ngày 24 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**



**Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.**  
Cụ thể như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 34.781 triệu đồng (ba mươi bốn tỷ, bảy trăm tám mươi mốt triệu đồng).

2. Nguồn thực hiện:

a) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022: 30.244 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 4.537 triệu đồng.

3. Chi tiết vốn, dự án và các cơ quan, đơn vị được phân bổ: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ số vốn được phân bổ; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo phụ lục kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng chế độ quy định; đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, trình tự, thủ tục theo đúng các quy định hiện hành và phải tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng ngân sách theo luật định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã, Ban Dân tộc tỉnh, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang, Nội vụ, Hội Nông dân; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo phụ lục kèm theo Quyết định này; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *meo*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thanh Nhân*  
**Nguyễn Thanh Nhân**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục tổng hợp**

**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ  
MIỀN NÚI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số ~~1187~~ /QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

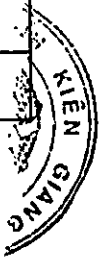
*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	7.289	6.338	951	Phụ lục I
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.357	1.180	177	Phụ lục II
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	197	171	26	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.160	1.009	151	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	635	552	83	Phụ lục III
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	635	552	83	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	20.593,7	17.908	2.685,7	Phụ lục IV



TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	791	688	103	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2.313	2.011	302	
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	17.101	14.871	2.230	
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	388,7	338	50,7	
V	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	1.171	1.018	153	Phụ lục V
VI	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>	804	699	105	Phụ lục VI
VII	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	727	632	95	Phụ lục VII
VIII	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù</b>	534,5	465	69,5	Phụ lục VIII
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	534,5	465	69,5	
IX	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	1.669,8	1.452	217,8	Phụ lục IX

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.	1.459	1.269	190	
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	29	25	4	
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	181,8	158	23,8	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>34.781</b>	<b>30.244</b>	<b>4.537</b>	





ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**PHỤ LỤC I: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Đơn vị	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	UBND huyện Châu Thành	1.221	1.062,4	159	
2	UBND huyện Giồng Riềng	1.221	1.062,4	159	
3	UBND huyện Gò Quao	914	795,1	119	
4	UBND huyện An Biên	305	265,4	40	
5	UBND huyện Hòn Đất	1.119	973	146	
6	UBND huyện U Minh Thượng	895	777,8	117	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	305	265,4	40	
8	UBND huyện Kiên Lương	459	399	60	
9	UBND huyện Giang Thành	704	611,5	92	
10	UBND thành phố Rạch Giá	145	126	19	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>7.289</b>	<b>6.338</b>	<b>951</b>	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục II**

**DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THỂ MẠNH CỦA CÁC VÙNG MIỀN ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*DVT: triệu đồng*

T T	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	197	171	26	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	197	171	26	
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.160	1.009	151	
1	UBND huyện Châu Thành	181	157,5	23,5	
2	UBND huyện Giồng Riềng	45	39,3	5,9	
3	UBND huyện An Biên	45	39,3	5,9	
4	UBND huyện Hòn Đất	367	319,3	47,8	
5	UBND huyện U Minh Thượng	45	39,3	5,9	
6	UBND huyện Giang Thành	372	323,5	48,5	
7	Sở Công Thương	26	22,2	3,3	
8	Liên minh Hợp tác xã	12	10,1	1,5	
9	Tỉnh đoàn	12	10,1	1,5	
10	Hội Nông dân	12	10,1	1,5	
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	44	38,3	5,7	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.357</b>	<b>1.180</b>	<b>177</b>	



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục III**

**DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT,  
ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC**

*(Kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**ĐVT: triệu đồng**

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	635	552	83	
1	UBND huyện Châu Thành	83,4	72,5	10,9	
2	UBND huyện Giồng Riềng	20,9	18,2	2,7	
3	UBND huyện An Biên	20,9	18,2	2,7	
4	UBND huyện Hòn Đất	152,3	132,3	20	
5	UBND huyện U Minh Thượng	206,5	179,5	27	
6	UBND huyện Giang Thành	151	131,3	19,7	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>635</b>	<b>552</b>	<b>83</b>	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục IV

**DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG  
NGUỒN NHÂN LỰC**

(Kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
I	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	791	688	103	
1	UBND huyện Châu Thành	115,9	100,8	15,1	
2	UBND huyện Giồng Riềng	115,9	100,8	15,1	
3	UBND huyện Gò Quao	86,9	75,6	11,3	
4	UBND huyện An Biên	29	25,2	3,8	
5	UBND huyện Hòn Đất	87,9	76,5	11,4	
6	UBND huyện U Minh Thượng	72,5	63,0	9,5	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	29	25,2	3,8	
8	UBND huyện Kiên Lương	43,4	37,8	5,6	
9	UBND huyện Giang Thành	44,5	38,7	5,8	
10	UBND thành phố Rạch Giá	57,9	50,4	7,5	
11	UBND thành phố Hà Tiên	29	25,2	3,8	
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	79,1	68,8	10,3	
II	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2.313	2.011	302	
1	Ban Dân tộc	972	845	127	



TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.072,8	932,8	140	
3	Sở Nội vụ	268,2	233,2	35	
III	<b>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>17.101</b>	<b>14.871</b>	<b>2.230</b>	
1	UBND huyện Châu Thành	328,4	285,6	42,8	
2	UBND huyện Giồng Riềng	328,4	285,6	42,8	
3	UBND huyện Gò Quao	246,2	214,2	32	
4	UBND huyện An Biên	82,1	71,4	10,7	
5	UBND huyện Hòn Đất	246,2	214,2	32	
6	UBND huyện U Minh Thượng	205,3	178,5	26,8	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	82,1	71,4	10,7	
8,	UBND huyện Kiên Lương	123,1	107,1	16	
9	UBND huyện Giang Thành	123,1	107,1	16	
10	UBND thành phố Rạch Giá	168,3	146,3	22	
11	UBND thành phố Hà Tiên	82,1	71,4	10,7	
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15.085,7	13.118,2	1.967,5	
a	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	423,2	368,2	55	
b	Trường TCN Dân tộc nội trú Kiên Giang	5.922,5	5.150	772,5	
c	Trường TCN vùng tứ giác Long Xuyên	4.082,5	3.550	532,5	
d	Trường TCN vùng U Minh Thượng	4.657,5	4.050	607,5	
IV	<b>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</b>	<b>388,7</b>	<b>338</b>	<b>50,7</b>	
	Ban Dân tộc	388,7	338	50,7	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>20.593,7</b>	<b>17.908</b>	<b>2.685,7</b>	





ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục V

**DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG  
TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU  
LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*DVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	UBND huyện Châu Thành	96,6	84	12,6	
2	UBND huyện Giồng Riềng	96,6	84	12,6	
3	UBND huyện Gò Quao	129	112	17	
4	UBND huyện An Biên	65	56,5	8,5	
5	UBND huyện Hòn Đất	65	56,5	8,5	
6	UBND huyện U Minh Thượng	65	56,5	8,5	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	65	56,5	8,5	
8	UBND huyện Kiên Lương	96,6	84	12,6	
9	UBND huyện Giang Thành	65	56,5	8,5	
10	UBND thành phố Rạch Giá	96,6	84	12,6	
11	UBND thành phố Hà Tiên	96,6	84	12,6	
12	Sở Văn hóa và Thể thao	234	203,5	30,5	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.171</b>	<b>1.018</b>	<b>153</b>	



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục VI**

**ĐỀ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG,  
TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH  
DƯỠNG TRẺ EM**

(Kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	UBND huyện Châu Thành	105,8	92	13,8	
2	UBND huyện Giồng Riềng	105,8	92	13,8	
3	UBND huyện Gò Quao	79,3	69	10,3	
4	UBND huyện An Biên	26,5	23	3,5	
5	UBND huyện Hòn Đất	110,4	96	14,4	
6	UBND huyện U Minh Thượng	26,5	23	3,5	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	79,4	69	10,4	
8	UBND huyện Kiên Lương	39,7	34,5	5,2	
9	UBND huyện Giang Thành	70,7	61,5	9,2	
10	UBND thành phố Rạch Giá	52,9	46	6,9	
11	UBND thành phố Hà Tiên	26,5	23	3,5	
12	Sở Y tế	80,5	70	10,5	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>804</b>	<b>699</b>	<b>105</b>	



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục VII

**8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM**

(Kèm theo Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*DVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	UBND huyện Châu Thành	83,7	72,7	11	
2	UBND huyện Giồng Riềng	20,9	18,2	2,7	
3	UBND huyện An Biên	20,9	18,2	2,7	
4	UBND huyện Hòn Đất	146,7	127,6	19,1	
5	UBND huyện U Minh Thượng	230,9	200,8	30,1	
6	UBND huyện Giang Thành	136,5	118,5	18	
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ	87,4	76	11,4	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>727</b>	<b>632</b>	<b>95</b>	



HÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục VIII

**DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ CÒN NHIỀU  
KHÓ KHĂN VÀ KHÓ KHĂN ĐẶC THÙ**

(Kèm theo Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
1	UBND huyện Châu Thành	33,1	28,8	4,3	
2	UBND huyện Giồng Riềng	33,1	28,8	4,3	
3	UBND huyện Gò Quao	24,8	21,6	3,2	
4	UBND huyện An Biên	54,2	47,2	7	
5	UBND huyện Hòn Đất	76,6	66,6	10	
6	UBND huyện U Minh Thượng	26	22,6	3,4	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	8,3	7,2	1,1	
8	UBND huyện Kiên Luông	58,4	50,8	7,6	
9	UBND huyện Giang Thành	64,2	55,8	8,4	
10	UBND thành phố Rạch Giá	62,5	54,4	8,1	
11	UBND thành phố Hà Tiên	8,3	7,2	1,1	
12	Ban Dân tộc tỉnh	85	74	11	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>534,5</b>	<b>465</b>	<b>69,5</b>	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục IX

**DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

(Kèm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.	1.459	1.269	190	
1	UBND huyện Châu Thành	78,6	68,4	10,2	
2	UBND huyện Giồng Riềng	78,6	68,4	10,2	
3	UBND huyện Gò Quao	59	51,3	7,7	
4	UBND huyện An Biên	19,6	17,1	2,5	
5	UBND huyện Hòn Đất	59	51,3	7,7	
6	UBND huyện U Minh Thượng	49,2	42,8	6,4	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	19,7	17,1	2,6	



TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
8	UBND huyện Kiên Luong	29,4	25,6	3,8	
9	UBND huyện Giang Thành	29,4	25,6	3,8	
10	UBND thành phố Rạch Giá	39,3	34,2	5,1	
11	UBND thành phố Hà Tiên	19,7	17,1	2,6	
12	Ban Dân tộc	890,1	774,1	116	
13	Sở Tư pháp	43,7	38	5,7	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	43,7	38	5,7	
<b>II</b>	<b>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>29</b>	<b>25</b>	<b>4</b>	
1	UBND huyện Giang Thành	9,8	8,5	1,3	
2	Ban Dân tộc	14,4	12,5	1,9	
3	Liên minh Hợp tác xã	4,8	4	0,8	
<b>III</b>	<b>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>182</b>	<b>158</b>	<b>23,8</b>	
1	UBND huyện Châu Thành	11	9,6	1,4	
2	UBND huyện Giồng Riêng	11	9,6	1,4	
3	UBND huyện Gò Quao	8,3	7,2	1,1	
4	UBND huyện An Biên	2,9	2,5	0,4	
5	UBND huyện Hòn Đất	14,5	12,5	2,0	
6	UBND huyện U Minh Thượng	8,9	7,7	1,2	
7	UBND huyện Vĩnh Thuận	2,9	2,5	0,4	



TT	Nội dung	Tổng nguồn vốn sự nghiệp	Trong đó:		Ghi chú
			Vốn Trung ương	Vốn địa phương đối ứng	
8	UBND huyện Kiên Lương	4,1	3,6	0,5	
9	UBND huyện Giang Thành	10,2	8,9	1,3	
10	UBND thành phố Rạch Giá	5,5	4,8	0,7	
11	UBND thành phố Hà Tiên	2,9	2,5	0,4	
12	Ban Dân tộc	42,7	37,1	5,6	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	5,4	4,7	0,7	
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5,4	4,7	0,7	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	5,4	4,7	0,7	
16	Sở Y tế	5,4	4,7	0,7	
17	Hội Liên hiệp Phụ nữ	5,4	4,7	0,7	
18	Sở Thông tin và Truyền thông	5,4	4,7	0,7	
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6,3	5,5	0,8	
20	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	18,2	15,8	2,4	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.669,8</b>	<b>1.452</b>	<b>217,8</b>	

